

Số: 114/2023/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 03 tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa  
học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của  
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và  
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ  
Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân  
sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ  
Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công  
tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng  
ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam*

*Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 11 năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. *TK*

**CHỦ TỊCH**



**Lê Quốc Chính**



## QUY ĐỊNH

**Định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định**  
(Kèm theo Nghị quyết số 114/2023/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.
- Các đơn vị huy động nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì khuyến khích áp dụng định mức theo Quy định này.
- Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC); Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN) và các quy định có liên quan.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.
- Các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

##### Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Nam Định.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

#### 1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng; định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 25 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hệ số lao động khoa học của các chức danh, dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định mức chi công tác phí, hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý; Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước của tỉnh Nam Định. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

| STT | Nội dung công việc   | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ) |                    |
|-----|--|-------------|---------------------------------------|--------------------|
|     |  |             | Nhiệm vụ cấp tỉnh                     | Nhiệm vụ cấp cơ sở |
| 1   | Người chủ trì  | Buổi        | 1.500                                 | 1.000              |
| 2   | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                     | Buổi        | 400                                   | 300                |
| 3   | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo     | 1.500                                 | 800                |

|   |  |         |     |     |
|---|--|---------|-----|-----|
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 800 | 400 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                                      | Buổi    | 300 | 200 |

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ không vượt quá 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

**Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

| STT | Nội dung công việc  | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ) |                    |
|-----|---|-------------|---------------------------------------|--------------------|
|     |   |             | Nhiệm vụ cấp tỉnh                     | Nhiệm vụ cấp cơ sở |
| 1   | <b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>       |             |                                       |                    |
| a   | Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng    |                                       |                    |
|     | Chủ tịch Hội đồng   |             | 1.200                                 | 900                |
|     | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng                      |             | 800                                   | 600                |
|     | Thư ký khoa học   |             | 300                                   | 200                |
|     | Thư ký hành chính   |             | 300                                   | 200                |
|     | Đại biểu được mời tham dự                                       |             | 200                                   | 100                |

|          |  |                            |       |       |
|----------|--|----------------------------|-------|-------|
| b        | Chi nhận xét đánh giá  | 01 phiếu nhận xét đánh giá |       |       |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng   |                            | 400   | 300   |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng   |                            | 550   | 450   |
| c        | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện                                   | Nhiệm vụ                   |       |       |
|          | Chủ tịch Hội đồng  |                            | 550   | 450   |
|          | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng   |                            | 400   | 300   |
| <b>2</b> | <b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>    |                            |       |       |
| a        | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng                   |       |       |
|          | Chủ tịch Hội đồng  |                            | 1.350 | 1.000 |
|          | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng   |                            | 1.150 | 900   |
|          | Thư ký khoa học  |                            | 300   | 200   |
|          | Thư ký hành chính  |                            | 300   | 200   |
|          | Đại biểu được mời tham dự  |                            | 200   | 100   |
| b        | Chi nhận xét đánh giá  | 01 phiếu nhận xét đánh giá |       |       |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng   |                            | 550   | 450   |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng   |                            | 750   | 550   |
| <b>3</b> | <b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                            |                            |       |       |
| a        | Chi họp Hội đồng nghiệm thu  | Nhiệm vụ                   |       |       |

|   |   |                            |       |       |
|---|---|----------------------------|-------|-------|
|   | Chủ tịch Hội đồng   |                            | 1.350 | 1.000 |
|   | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng  |                            | 1.150 | 900   |
|   | Thư ký khoa học   |                            | 300   | 200   |
|   | Thư ký hành chính   |                            | 300   | 200   |
|   | Đại biểu được mời tham dự   |                            | 200   | 100   |
| b | Chi nhận xét đánh giá   | 01 phiếu nhận xét đánh giá |       |       |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 550   | 450   |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                |                            | 750   | 550   |
| 4 | <b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng</b> | Chuyên gia                 | 1.200 | 900   |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Chi tiền thù lao:

| TT | Nội dung                  | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ) |                    |
|----|---------------------------|-------------|---------------------------------------|--------------------|
|    |                           |             | Nhiệm vụ cấp tỉnh                     | Nhiệm vụ cấp cơ sở |
| 1  | Tổ trưởng tổ thẩm định    | Nhiệm vụ    | 750                                   | 550                |
| 2  | Thành viên tổ thẩm định   | Nhiệm vụ    | 550                                   | 450                |
| 3  | Thư ký hành chính         | Nhiệm vụ    | 300                                   | 200                |
| 4  | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ    | 200                                   | 100                |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Quy định này.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, quản lý về khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Quy định này.

5. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ./.